

TỆ CỜ BẠC VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG CỦA NHÀ NƯỚC QUÂN CHỦ VIỆT NAM (THẾ KỶ XV-XIX)

TRỊNH THỊ HÀ*

Dưới thời quân chủ, cùng với tham ô, hối lộ, trộm cướp, mê tín dị đoan, hút thuốc phiện, rượu chè..., cờ bạc cũng là một trong những tệ nạn xuất hiện khá sớm và phổ biến của toàn xã hội, lôi cuốn sự ham thích của mọi tầng lớp không phân biệt lứa tuổi: già, trẻ; không phân biệt địa vị xã hội: quý tộc (vua, quan lại), tầng lớp bình dân lao động nghèo; không phân biệt giới tính: nam, nữ. Tệ cờ bạc đã tác động tiêu cực đến cuộc sống của bản thân người chơi, gia đình, mối quan hệ cộng đồng và cả nền phong hóa của dân tộc. Nhận thức được tác hại to lớn của tệ nạn này, các triều đại quân chủ Việt Nam, nhất là từ triều Lê sơ trở đi đã thực thi nhiều biện pháp khác nhau để ngăn ngừa. Trong một chừng mực nhất định, sự quan tâm của Nhà nước đã góp phần hạn chế tệ nạn, giữ gìn trật tự kỷ cương của xã hội. Vậy tệ cờ bạc đã xảy ra trong đời sống xã hội giai đoạn lịch sử này như thế nào, tác hại của nó ra sao và Nhà nước đã thực thi những biện pháp gì để ngăn chặn? Bài viết này góp phần làm sáng tỏ điều đó.

1. Tệ nạn cờ bạc trong lịch sử Việt Nam

Đánh bạc không phải là trò chơi do người Việt Nam sáng tạo ra, nó xuất phát từ Trung Hoa và cùng với quá trình đô hộ

hơn 1.000 năm của phong kiến phương Bắc, trò chơi này đã dần ảnh hưởng đến nhân dân ta và trở thành tệ nạn. Không chỉ ở Việt Nam, ngay đất nước Trung Hoa, đánh bạc trở thành thú chơi của nhiều tầng lớp trong xã hội và là “một trong những đại nạn của dân chúng. Những đàn ông đương chức và những người trẻ chơi say mê và gần như thường tiêu bại” (1).

Đánh bạc gồm nhiều loại khác nhau, trong đó phổ biến hơn cả là bài lá, tài bàn, tổ tôm, xóc đĩa, hốt lú (còn gọi là phán thán, hoặc than tiền). Mỗi thể loại có cách chơi khác nhau, chẳng hạn như trò chơi hốt lú được mô tả như sau: trong bàn đánh bạc để một chiếc hộp chia thành 4 cửa: 1, 2, 3, 4, muốn đánh cửa nào thì đặt tiền vào cửa ấy. Xong rồi, người cầm cái đồ số tiền đã đựng trong hộp ra đếm, cứ xĩa 4 đồng tiền làm 1 đơn vị. Cuối cùng, xem số lẻ còn lại bao nhiêu. Số lẻ này là 2 thì người đánh ở cửa số 2 được, là 3 thì người ở cửa số 3 được (2). Ngoài bài lá, xóc đĩa cũng là trò đánh bạc rất được ưa thích của các tầng lớp trong xã hội và cũng ảnh hưởng nhiều đến đời sống của họ, đây là trò chơi làm cho người dân mất nhiều tiền nhất, và vì trò chơi này mà người ta thường xuyên bị sạt nghiệp (3). Cách thức của trò chơi này khá đơn giản: người ta cho quay trên một cái đĩa một

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

đồng tiền xu sau đó úp nó bằng một cái tô, và đặt cược vào các mặt mà đồng tiền khi rơi xuống. Cụ thể là người chơi sẽ dùng một đồng trinh xóc trong cái tô đầy kín, đặt mặt có chữ hoặc không có chữ. Người thắng là người đặt cược khi đồng xu dừng lại mà có mặt chữ và ngược lại thuộc người thua.

Ở Việt Nam, ngay từ thời Lý, Trần, đánh bạc đã phổ biến trong xã hội, nhất là trong triều đình. Vào năm Canh Tuất (1430), khi ban chiếu giáo huấn nhân dân, vua Lê Thái Tổ đã nhắc lại những thú vui hàng ngày của vua quan nhà Trần, trong đó có nạn cờ bạc: “Họ Trình xưa (tức họ Trần, vì kiêng tên húy hoàng hậu của Lê Lợi nên đổi Trần thành Trình), cậy sự giàu có của mình, không nghĩ đến sự khốn cùng của dân, chuộng vẻ trang hoàng, ham về tửu sắc, lúc nào cũng bày những trò chơi vô ích: đánh bạc đánh cờ, chơi gà thả chim, bồn nuôi cá vàng, chuồng nuôi bách thú, khoe khoang mèo khôn, để tranh thua được; quên cả thiên hạ, chẳng hề để tâm” (4). Theo ghi chép của chính sử, các vua, quan nhà Trần, nhất là triều vua Trần Dụ Tông rất ham mê với tệ này. Năm 1269, quan thượng phẩm Nguyễn Hưng tỵ tập bọn nha lại đánh bạc trong tư dinh. Việc bị phát giác, vua Trần Anh Tông (1271-1314) sai vệ úy đánh chết Nguyễn Hưng, còn bọn tòng phạm thì bị phạt nặng (5). Vua Trần Dụ Tông (1336-1369), là vị vua thông tuệ, học vấn cao minh, biết chăm lo việc võ, sửa sang việc văn khiến thần dân đều phục. Nhưng về sau, ông không còn giữ được sự uy nghiêm mà rơi vào ham chơi khi hàng ngày, ông thường mời các quý tộc giàu có ở làng Đình Bảng, làng Nga Đình ở Quốc Oai vào cung để đánh bạc làm vui, một tiếng bạc đặt 300 quan, ba tiếng thì đặt gần 1.000 quan (6). Từ thế kỷ XV trở đi, cờ bạc trở thành một trong những thú vui tiêu khiển “biểu thị những tật xấu hoặc mang

tính phóng dăng” (7) và tệ này ngày càng diễn ra trên quy mô rộng lớn cả ở nông thôn, thành thị và thường xuyên hơn. Vào các dịp lễ tết như Tết Nguyên đán, nạn đánh bạc thường xảy ra nhiều hơn bởi trên thực tế pháp luật lại không nghiêm cấm khắt khe việc đánh bạc trong các dịp này. Dịp Tết thường kéo dài từ 10 đến 12 ngày nên đây là cơ hội để người dân tham gia nhiều hơn: “Những ngày Tết là những ngày duy nhất trong năm được luật pháp cho phép chơi bài bạc. Vì vậy, người An Nam thuộc mọi tầng lớp đã say mê lao vào cuộc đổ đên trong những ngày đó. Tiết kiệm dè sẻn trong nhiều tháng, vung tiền của để dành cho trò may rủi chỉ trong một ngày, để rồi lại bắt đầu tất bật lao động trong ngày hôm sau, không hề tiếc về số tiền bạc mất đi phung phí” (8).

Sang thế kỷ XIX, tệ cờ bạc vẫn tồn tại công khai, ngày càng nhanh chóng lan rộng trong mọi vùng miền, không phân biệt xuất thân dân nghèo hay quan lại. Lúc đầu, tệ cờ bạc chủ yếu phổ biến ở vùng Bắc Kỳ, càng về sau lan tỏa khắp cả nước, hầu như vùng nào cũng có. Trong đó các địa phương từ xứ Thanh Hóa trở ra ngoài Bắc là phổ biến hơn cả. Có thể thấy rõ thực trạng này qua lời tâu của Phan Bảo Đĩnh năm 1825 như sau: “Thần từng thấy từ Thanh Hóa trở ra Bắc, quan sinh ra tham nhũng, lại sinh ra gian xảo, học trò đều bỏ học, dân đều thất nghiệp, làm cướp làm giặc, phần nhiều bởi đó mà ra. Từ trước đến nay có lệnh cấm mà không có lệnh tha, thực là phải lắm. Nay xin nhất thiết cấm chỉ, ở trấn phủ huyện có đánh bạc, thì trấn phủ huyện viên phải tội, ở tổng làng có đánh bạc thì tổng trưởng, lý trưởng phải tội. Như thế thì ai cũng biết khuyên răn, quan lại đều xứng chức vụ, nguồn tệ phải hết mà phong tục được thuần hậu” (9). Càng về cuối triều vua Tự Đức, tệ cờ bạc ở xứ Bắc

Kỳ càng xảy ra nhiều hơn khi nó không chỉ thâm nhập mạnh mẽ trong đời sống người dân vùng thôn quê mà ở nhiều bộ phận cư dân khác vùng đô thị: “Thói ấy Bắc Kỳ tệ hơn. Thôn quê thì tiệm rượu, sòng bạc đâu đâu cũng có. Tỉnh thành phố thì các nhà buôn góp tiền vốn đặt cược, nấu rượu cá bạc... Người sống tạm bợ không ai quan tâm đến. Cho nên thôn quê công khai cờ bạc không sợ hãi gì” (10). Đối với địa phương ở phía Nam như Gia Định, nếu dân chúng trước đây chỉ chí thú với công việc làm ăn thì đến thế kỷ XIX, một số tệ nạn xã hội như hút thuốc phiện, cờ bạc cũng xuất hiện: “Tư chất người Gia Định vốn tuấn tú, dĩnh ngộ, dễ hướng dẫn làm điều thiện, nhưng gần đây nghe nói họ đua nhau hút thuốc phiện, buôn tuồng xướng ca, cờ bạc lấy làm phong lưu” (11).

Không chỉ trong đời sống dân gian, rất nhiều trường hợp quý tộc thuộc tôn thất triều đình nhà Nguyễn, quan lại từ kinh đô xuống địa phương đều tham gia vào tệ cờ bạc. Có thể kể đến các trường hợp như: Tôn Thất Đản, nguyên Tuần phủ Hưng Yên, trước cho đánh bạc lấy tiền nên bị xử tội giảo giam; Tôn Thất Dao, trước can tội trốn tránh đã phải xóa tên trong sổ tôn thất, đổi theo họ của mẹ. Theo lời tâu của bộ Lễ vào năm 1838 thì ở các phủ đệ của tôn thất, các đầy tớ cũng đam mê tệ cờ bạc: “Các phủ đệ nuôi nhiều đầy tớ, trong đó bọn liến láu ngày thường đua nhau phóng dăng, rượu chè, cờ bạc, đến khi cùng quẫn thì sinh lòng gian trộm cắp” (12). Thậm chí con trai trưởng của vua Thiệu Trị là Hồng Bảo không chỉ ham chơi mà còn ham cờ bạc, không chịu học hành. Bởi vậy, khi lâm chung vì ghét người có các thói hư tật xấu, vua Thiệu Trị đã gọi các quan đại thần Trương Đăng Quế, Võ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương và Lâm Duy Hiệp vào trăng trối, để di chiếu

truyền ngôi cho con thứ là Hồng Nhậm, là vua Tự Đức sau này.

Nhiều quan lại cũng vi phạm tệ đánh bạc, dưới triều Nguyễn có thể kể đến các trường hợp: viên Ký lục ở Quảng Bình là Nguyễn Hữu Nghi không chỉ vét riêng lương tiền, nghiêm thúc thuế khóa mà còn với viên Tri huyện tham gia uống rượu, đánh bạc. Viên quan Trương Dũng cùng Nguyễn Đình Uông ở Thanh Oai (Hà Nội) uống rượu đánh bạc, bỏ tiền vốn ra chỉ có 3 quan, lấy 1 đồng làm 1 quan, mà tên Uông thua đến 160 quan. Vì việc nợ phải bắt giam rồi đánh chết. Án xử tên Dũng phải tội trăm giam hậu, còn người đánh giúp là tên Cháp phải tội lưu. Đặc biệt, vụ đánh bạc lớn xảy ra ở Ngự sử đài đã gây ra chấn động cả Kinh thành Huế khi có rất nhiều các trọng quan của Ngự sử đài đều tham gia vào tệ nạn này, đó là các quan: Chuởng án Nguyễn Thước, Trần Gia, Phan Hữu Từ, Viện trưởng Kim Quỹ và các Ngự sử Nguyễn Đăng Sĩ, Nguyễn Duy Tự, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Cư, Nguyễn Vũ, và Nguyễn Văn Tố. Càng về sau, tệ đánh bạc càng tăng lên trong giới quan lại, bởi vậy vào năm 1875, vua Tự Đức đã ra chỉ dụ cảnh báo và răn đe rất nghiêm khắc: “Dân ngu không biết nghĩ đến thế thậm chí hoàng thân, quốc thích, quan viên nha thuộc dụ có sách ở triều đình, không biết tự trọng lại cùng người buôn nước Thanh, người buôn nước ngoài họp nhau đánh bạc há chẳng đáng hổ thẹn lắm ư” (13).

Không chỉ là thú vui của giới quan lại, quý tộc, tệ nạn cờ bạc còn diễn ra ngay trong hàng ngũ binh lính. Dưới triều Lý, đầu triều Trần không thấy sử sách ghi chép gì về tệ đánh bạc trong quân sĩ nhưng từ triều vua Trần Nhân Tông (1278 -1293) trở đi đã xuất hiện tệ nạn này. Có thể thấy rõ thực trạng đó qua lời kêu gọi tì tướng trong bản *Dụ chư tì tướng hịch văn* của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Trước

hiểm họa đất nước bị giặc Mông Nguyên xâm chiếm lần thứ hai (1285), ông đã chỉ ra những mối nguy cho đất nước khi quân sĩ “thấy chủ bị nhục chẳng lấy làm lo, gặp nước bị dơ chẳng lấy làm thẹn... kẻ thì chọi gà cho thích, kẻ thì đánh bạc mua vui...”. Trước nguy cơ đất nước bị xâm lược, ông đã chỉ rõ cho quân sĩ biết rằng thú ham chơi cờ bạc, chọi gà thực sự không đem lại hiệu quả gì cho việc đề ra kế sách chống giặc ngoại xâm: “Một khi giặc Mông đến nơi, thì cựa con gà nòi không thể đâm thủng áo giáp của giặc; thuật ở bài bạc không thể đem làm mưu mẹo ở trong quân”. Rõ ràng trong quân đội thời Trần đã xảy ra hiện tượng binh lính ham thú cờ bạc, nhờ có sự chuẩn bị kỹ càng và luật lệ nghiêm minh của các vị tướng lĩnh chỉ huy, lại thêm tướng sĩ một lòng phụ tử nên quân dân nhà Trần đã liên tiếp đánh thắng cả ba lần quân Mông - Nguyên xâm lược.

Dưới triều vua Lê Dụ Tông, tệ đánh bạc đã ảnh hưởng mạnh trong quân đội, do đó vào năm Đinh Mùi (1727) nhà vua đã phải ban chỉ truyền lệnh cấm quân sĩ uống rượu, đánh bạc, đặc biệt là thủy quân càng phải nghiêm chỉnh tuân theo: “Phàm quân sĩ Thị hầu và các doanh cơ đội thuyền không được uống rượu, đánh bạc. Trái lệnh, cáo với Binh phiên theo pháp luật mà luận tội. Quan quân mà không biết, tùy theo sự việc nặng nhẹ để định tội xét xử” (14). Đến thời Nguyễn, hiện tượng binh sĩ đam mê rượu chè, cờ bạc càng xảy ra nhiều hơn, trong đó vụ án ở Kinh thành Huế dưới triều vua Thiệu Trị là nghiêm trọng nhất (15). Sách *Đại Nam thực lục* cho biết vào năm 1842, khi vua Thiệu Trị ngự giá ra Bắc, ở Kinh thành Huế có có người lính vệ Hậu nhất quân Vũ Lâm tên là Phạm Công Đạt mở sòng bạc, dụ người đánh bạc, lại cãi nhau với người khác đang đêm hò la, bị bọn tuần bắt được. Khi vua trở về Kinh đô, xử Đạt

hình phạt nặng hơn mức bình thường, là đánh 80 côn đỏ (nặng hơn đánh trượng), đóng gông, giải tới nhà lao lĩnh án “giảo giam hậu” (tức là treo cổ nhưng chờ lệnh xử sau) để làm răn cho kẻ khác. Những người liên quan vụ việc bị giáng 2 - 4 cấp, trong đó quan ngự sử Nguyễn Tuấn Phong và Thống chế Lê Văn Thảo do “có chức sắc mà không nghiêm trị” nên bị giáng một cấp. Viên đội suất Nguyễn Văn Doanh đi tuần đêm xảy ra đánh bạc, có công phát hiện tội phạm được hưởng 5 đồng Phi Long bằng bạc (16).

Dưới triều vua Tự Đức (1848-1883), mặc dù chính sử không ghi chép lại các sự việc cụ thể liên quan đến tệ cờ bạc trong hàng ngũ binh lính nhưng không vì thế mà tệ này chấm dứt, ngược lại ngày càng gia tăng và là nguyên nhân chính khiến việc binh dịch của nhà nước trong một thời gian không thực hiện được. Bởi trên thực tế có rất nhiều người trốn lính, không hăng hái tham gia thực hiện nghĩa vụ binh dịch đối với nhà nước hoặc bỏ bê, trễ nải việc binh. Trước thực trạng đó, vào năm 1856, vua sai bộ Binh điều tra và nhận thấy rằng, một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là vì binh lính chơi bời uống rượu, đánh bạc và các quan viên quản suất trong quân đội cũng không nghiêm khắc ngăn cấm tệ nạn trên.

Tệ cờ bạc còn diễn ra ngay cả trong hệ thống trường học của Nhà nước từ trung ương xuống địa phương. Chính vì thế mà cả triều Lê sơ, triều Lê - Trịnh, triều Nguyễn khi ban các điều giáo hóa đều nhắc nhở các học quan phải giáo dục, quản lý, nghiêm cấm học sinh, nhất là hạng Giám sinh trường Quốc Tử Giám không được tham gia các tệ nạn xã hội, gồm cả rượu chè, cờ bạc. Ai vi phạm thì bị đuổi học. Nhưng thực tế hiện tượng Giám sinh đánh bạc, uống rượu vẫn xảy ra, như vào năm 1820 viên Đốc học Gia Định là

Cao Huy Diệu cùng với học trò tổ chức đánh bạc. Năm 1824 vì có thông tin một số Giám sinh trong trường Quốc Tử Giám Huế sa vào tệ nạn xã hội, không chăm lo học tập thành tài, nên khi sai thự Tham tri bộ Lễ là Hoàng Kim Hoàn quản lý công việc ở Quốc Tử Giám, vua Minh Mệnh đã nhắc nhở ông cần nghiêm khắc xử lý các hiện tượng đó (17).

Nhìn chung, cờ bạc vốn là một thú vui trong đời sống sinh hoạt cộng đồng nhưng cùng với thời gian nó đã biến tướng, trở thành tệ nạn xã hội, gây ra không ít hệ quả tiêu cực. Tệ cờ bạc không chỉ ảnh hưởng đến đời sống vật chất, tinh thần của chính bản thân người chơi, gia đình của họ mà còn trở thành đại nạn của dân chúng, của xã hội, là nguyên nhân làm nảy sinh nhiều tệ nạn xã hội khác như vay nặng lãi, trộm cắp, cướp đoạt tài sản: “họ đắm chìm vào trò chơi cho đến khi mất tất cả mọi thứ, ngay đến cả áo quần và không gì có thể ngăn cản được họ” (18); hoặc “Những đàn ông đương chức và những người trẻ chơi say mê, và gần như thường tiêu bại. Trong hầu hết các làng đều có những nhà cho vay nặng lãi, khai thác người chơi bằng cách cho họ vay tiền với khoản khấu trừ một phần mười, không tính khoản thanh toán vào buổi tối và khoản lãi của cái gọi là tiền đĩa, tức là tiền cọc của mỗi bên. Chúng gây tai họa cho các gia đình và hủy hoại toàn bộ làng, chiếm đoạt đồng ruộng và nhà cửa cho đến lúc việc thanh toán hầu như không thể” (19).

Khi nhìn nhận nạn trộm cắp trong dân chúng ngày càng gia tăng, chính các vua Nguyễn đã khẳng định nguyên nhân chính dẫn đến tệ này là do nạn đánh bạc: “Tiểu dân sinh ra trộm cắp đều là do đánh bạc” (20). Tệ cờ bạc đã gây nên nhiều hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến hành vi ứng xử, đạo đức lối sống của nhiều tầng lớp xã

hội như sự lo lắng của vua Tự Đức khi ban chỉ dụ nhắc nhở trăm quan về những nguy cơ tiềm ẩn đằng sau các tệ nạn xã hội: “Người làm dân thích cạnh tranh mà ít có lòng tin, trọng lợi riêng mà khinh điều nghĩa, rủ nhau bọn lữ đến quán uống rượu, đánh bạc... một chén rượu có thể hợp thành đám cướp, một lời nói có thể gây việc binh đao” (21). Vì các tệ nạn xã hội rất phổ biến và các quan viên ở nhiều địa phương đều sa đọa vào các tệ nạn này nên họ đã không làm tròn chức trách của mình, từ đó dẫn đến: “Những tội oan uổng, bị quan lại câu lưu, hàng hai ba năm chưa hỏi đến; những bậc thân sơ, bị kẻ hầu ngăn trở, hoặc hai ba tháng không tâu trình. Các tướng văn võ, lập thành bè đảng, triều đình không ngăn cấm. Đến nỗi con cháu chí thân bị hãm hại bởi kẻ bầy tôi gian xảo, quyền lớn trong nước, chuyển dời xuống tay xiêm ninh. Lòng dân oán than mà không biết, ý trời khiển trách cũng không kinh, chính giáo suy đồi, kỷ cương rối loạn” (22).

Nhận thức được hậu quả nghiêm trọng của tệ cờ bạc, các nhà nước quân chủ Việt Nam từ thế kỷ XV đến XIX đều nhất quán thực thi một số biện pháp từ giáo dục, răn đe; thông qua các điều luật để nghiêm cấm, ngăn ngừa hành vi đánh bạc; thực hiện các hình thức xử phạt đối với người vi phạm nhằm ngăn chặn, phòng ngừa tệ nạn này.

2. Biện pháp phòng chống của Nhà nước

Ban hành chỉ dụ giáo hóa toàn dân

Việc giáo dục đối với người dân và quan lại trong việc tuân theo nền phong hóa của dân tộc thông qua các điều giáo hóa luôn là việc làm được các triều vua quan tâm. Bởi thông qua đó, Nhà nước thực hiện được việc tuyên truyền, giáo dục về tác hại của tệ cờ bạc, nêu cao trách nhiệm giáo dục, quản lý của quan viên, cha mẹ.

Dưới thời Lê sơ, để giữ vững nền phong hóa dân tộc, quản lý xã hội theo ý thức hệ Nho giáo, các vua Lê đã ban các sắc dụ, chỉ dụ nêu lên cách thức xử phạt đối với người dân, quan viên có hành vi vi phạm tệ cờ bạc, qua đó giáo hóa nhắc nhở họ không được tham gia tệ nạn này. Chẳng hạn vào năm 1429, khi đất nước vừa được độc lập, biết trước được những thảm họa của tệ nạn này, vua Lê Thái Tổ đã ra lệnh cho các quan ở kinh đô, các lộ, huyện, xã rằng: “người nào du thủ, du thực, đánh cờ đánh bạc, thì quan tư và quân dân bắt đem nộp để trị tội; đánh bạc thì chặt 5 phân ngón tay, đánh cờ vây thì chặt 1 phân ngón tay. Những người không phải là việc quan mà vô cớ tụ tập uống rượu thì xử phạt 100 trượng, người chứa chấp bị tội kém 1 bậc” (23). Khi ban bố 7 điều trong *Trị bình bảo phạm* năm Tân Mùi (1511), vua Tương Dực đã dành điều thứ 3 để răn dạy các quan viên cần tránh các tệ nạn xã hội cũng như nêu lên tác hại của nó: “Quan các nha môn phải nghiêm khắc sửa mình, kính cẩn siêng năng làm chức phận của mình, không được bữa bãi theo dục vọng riêng, say đắm tửu sắc, sai khiến百姓 người dưới quyền, dặt mỗi gái điếm, nàng hầu, yêu sách cổ bản, liên miên chè chán, đến nỗi lười nhác bỏ cả việc công, làm hư hại tới phong hóa...” (24). Đến thời Lê - Trịnh, với tư tưởng đề cao quản lý xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội bằng biện pháp đức - lễ theo học thuyết Nho giáo nên trong các năm 1663, 1669, 1683, 1720, 1767, triều đình đều ban các chỉ dụ giáo hóa trong phạm vi cả nước, bao gồm cả việc tuyên truyền người dân không được sa ngã vào tệ nạn xã hội. Năm 1663 triều đình ban lệnh cấm quan lại và nhân dân trong cả nước không được đánh bạc. Năm 1767 khi ban 6 điều răn bảo thân dân, điều thứ 6, triều đình yêu cầu người dân trăm họ nên giữ gìn luân thường siêng

năng nghề nghiệp, không ham mê rượu chè, cờ bạc, thói hư tật xấu. Để những điều giáo hóa này đi sâu vào đời sống quần chúng, triều đình yêu cầu các nha môn Thừa, Hiến phủ châu huyện đều phải sao ra một bản treo ở nơi làm việc và chuyển gửi cho các xã dân sở thuộc yêu cầu họ viết ra bảng treo ở trong đình làng để cứ đến ngày có việc làng thì hội họp con trai con gái lớn nhỏ đến giảng giải hiện thị, để được tai mắt thấm nhuần, biết sự khuyên răn.

Dưới thời Nguyễn, từ vua Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị đến Tự Đức đều ban hành giáo hóa vào các năm 1799, 1804, 1825, 1829, 1834, 1872, 1875. Điểm chung của các bản giáo dụ này đều nhấn mạnh đến hậu quả khôn lường cùng trách nhiệm của người thân, của người quan viên quản lý nơi sở tại trong việc dạy bảo, khuyên răn, ngăn chặn các tệ nạn xã hội, gồm cả tệ cờ bạc. Chẳng hạn, khi ban hành 10 điều giáo huấn trong cả nước năm 1834, điều thứ 6 vua Minh Mệnh đã đề cập đến trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ phải biết dạy bảo, khuyên răn con em mình để không sa ngã vào các tệ nạn xã hội: “Nay ta muốn lữ các người là cha, anh, sư trưởng, ai nấy đều nên chăm con em cốt sao cho họ giữ được lương tâm, không bỏ nghiệp nhà, chớ để chơi bời, lười biếng không chịu cần cù, chớ để rượu chè, cờ bạc...” (25). Đến thời vua Tự Đức, trước tệ cờ bạc hoành hành ở nhiều nơi, nhà vua đã chất vấn các quan địa phương về trách nhiệm quản lý của họ trong việc phổ biến cho người dân hiểu rõ tác hại của các tệ nạn xã hội, đồng thời yêu cầu họ cần phải tuân theo lệnh của triều đình trong việc nêu và “cấm lệnh ấy cho dân biết”, “làm dân ta chớ làm những việc vô ích”. Vua cũng yêu cầu những người làm cha mẹ phải dạy bảo con cái của mình. Nếu không thực hiện tốt chức trách thì họ (quan viên địa phương, người làm cha mẹ) sẽ phải

chịu trách nhiệm liên đới khi để tệ cờ bạc xuất hiện: “Trừ kẻ can phạm tội nặng ra, còn các người là cha, là anh, và các tổng lý đều phải chiếu luật trị tội, việc trong thì quan phủ huyện, tỉnh cũng phải nghị xử giảm bậc, nên đều phải kính theo” (26).

Nghiêm cấm và đề ra hình thức xử phạt người vi phạm tệ cờ bạc

Ban hành điều luật, các định lệ, chỉ dụ để nghiêm cấm việc vi phạm tệ cờ bạc cũng là một biện pháp được các nhà nước quân chủ đề cao. Thông qua những điều luật trong bộ *Quốc triều hình luật (triều Lê)*, *Hoàng Việt luật lệ* (triều Nguyễn), nhà nước phong kiến mong muốn áp dụng chế tài đối với đối tượng tham gia tệ cờ bạc, qua đó ngăn chặn tệ nạn phổ biến toàn xã hội. Theo quy định của pháp luật, nhà nước nghiêm cấm mọi tầng lớp trong xã hội không được vi phạm tệ nạn này. Ai vi phạm, không phân biệt quan lại hay dân thường đều bị xử phạt theo pháp luật, trong đó đặc biệt nghiêm khắc trừng trị các quan viên. Theo lệnh dụ năm 1649 dưới thời Lê - Trịnh, nhà nước nghiêm cấm các quan viên quyền quý cùng các hạng người ở phố phường trong nội kỳ (kinh đô) không được họp nhau đánh cờ, đánh bạc, đánh bài. Nếu là quan viên bậc quyền quý mà vi phạm và bị bắt quả tang hoặc tố giác sẽ bị phạt tiền hai trăm quan, người ở phường phố mà phạm lỗi này, sẽ phải phạt cổ tiền một trăm quan, lại bị đánh một trăm trượng, cùng là truy thu số tiền tang vật, bắt được ở trong đám cờ bạc, nộp vào kho, để làm gương răn kẻ khác (27). Dưới thời Trịnh Căn, cờ bạc, thuốc phiện đã làm băng hoại phẩm chất của một số quan chức địa phương. Để ngăn chặn, năm 1698 chúa Trịnh vừa ban lệnh cấm đánh bạc đồng thời vừa sai các quan đi giám sát các nơi và ra lệnh: “Những nhà chứa chấp, và những người đánh bạc đều bị phạt nặng nhẹ theo ngôi thứ và phẩm trật” (28).

Các nhà nước quân chủ Việt Nam ra sức nghiêm cấm tệ cờ bạc xảy ra trong trường học. Theo quy định của pháp luật thời Lê sơ, nghiêm cấm tất cả các hạng học sinh, nhất là Giám sinh của trường Quốc Tử Giám không được tham gia các tệ nạn như tụ tập uống rượu, đánh bạc, gây huyên náo ở trong trường: “Giám sinh, sinh viên chơi bồi, rượu chè, trêu ghẹo các vị sư trưởng không giữ gìn nội quy nhà trường và mua dâm, đánh bạc, ra vào phủ quan chạy tiền lo việc, lạm dụng các loại vật liệu.... đều bị đuổi về làm dân và trị các tội đã phạm. Nếu thu được của hối lộ thì kê khai các thứ hối lộ rồi luận theo tội nặng nhất” (29). Đến triều Lê - Trịnh và Nguyễn yêu cầu các học quan phải giám sát chặt chẽ sinh hoạt của Giám sinh, nhất là không được có các hành vi tụ tập uống rượu, đánh bạc, gây huyên náo, đập phá phòng ốc. Nếu vi phạm thì sẽ bị đuổi học: “Giám sinh nếu có các tệ nạn rượu chè, cờ bạc, trộm cắp, trai gái thì cho xét cử lên để cách đuổi đi”, “Ai dám uống rượu, đánh bạc và hát xướng thì cáo với quan trừng trị, để răn bảo kẻ lười biếng” (30). Việc ngăn cấm còn được thể hiện qua các điều luật quy định về các hình thức xử phạt, mức độ xử phạt đối với người vi phạm tệ cờ bạc cùng người chịu trách nhiệm nghiêm cấm hành vi đó, cụ thể là:

Đối với đối tượng tham gia đánh bạc, tổ chức đánh bạc, không phân biệt chức tước và thành phần xuất thân, đều bị pháp luật xử lý nghiêm minh. Theo đó nếu là dân thường, họ sẽ chịu các hình thức xử phạt gồm: phạt tiền, đánh trượng, đánh côn, phản tọa, phạt lao dịch... Nếu là quan lại mà vi phạm tệ cờ bạc thì họ cắt lương có thời hạn, chuyển chức vụ, nếu vi phạm nghiêm trọng thì xử ngồi tù, tử hình. Chính sử cho biết dưới thời Lê sơ, trước hành vi họp nhau đánh bạc, trộm cướp của Lê Nhân Lập (con Thiếu úy Lê Lan) và

đồng bọn Nguyễn Thọ Vực, vua Lê Nhân Tông (1441-1459), đã cho quân đến nhà Vực, dụ Lập và đồng bọn ra rồi chém thẳng tay khi bọn chúng đang đánh bạc ở nhà Vực. Đến thời Nguyễn quy định nếu thành viên trong tôn thất có hành vi đánh bạc thì bị đổi họ, xóa tên (như trường hợp của Tôn Thất Dao bị đổi tên và xóa tên trong sổ tôn thất). Nếu là Giám sinh tham gia tệ cờ bạc thì sẽ buộc thôi học trả về quê quán.

Thông thường một đối tượng có hành vi đánh bạc khi bị xử phạt sẽ bị áp dụng cùng một lúc nhiều hình thức, nếu tái phạm thì mức phạt sẽ cao hơn vi phạm lần đầu. Điều 92 của Chương “Vi chế” (làm trái pháp luật) của bộ *Quốc triều hình luật* thời Lê quy định rất rõ: Những người tụ họp đánh bạc thì bị tội đánh **70 trượng**, biếm ba tư, phạt tiền ba quan, thưởng cho người cáo giác. Người đứng đầu hay tái phạm tội đánh bạc thì bị tội thêm một bậc. Người a dua theo thì tội giảm một bậc. Những tiền trong sòng bạc và văn tự vay nợ mua bán vì đánh bạc đều sung công. Đánh bạc trong khi có quốc tang thì tội thêm một bậc và trong khi đánh bạc có xảy ra việc gì khác thì định tội khác (31).

Theo quy định của triều vua Gia Long, người trực tiếp tham gia đánh bạc bị thu mỗi người 10 quan (số tiền này dùng để thưởng cho người cáo giác). Đối với người mở sòng chứa bạc, gia tài người chủ phải sung công, thu toàn bộ tiền mặt ở sòng. Những người vi phạm, dung túng việc đánh bạc ngoài hình thức bị phạt hành chính còn bị đánh roi và phạt đi lao dịch. Cụ thể nếu người đánh bạc thì bị đánh 100 roi và làm dịch phu 3 năm... Những người dung túng mà bị người khác tố giác thì bị đánh 50 roi, sung dịch phu 6 tháng, lại thu 50 quan tiền để thưởng cho người cáo giác (32). Từ nửa sau thế kỷ XIX trở đi, cùng với những biến động lớn về chính trị, tình hình xã hội cũng

trở nên bất ổn, các tệ nạn xã hội do đó càng có điều kiện để tăng lên. Đặc biệt là dưới triều vua Tự Đức, nạn đánh bạc xảy ra nhiều đến nỗi nhiều lần vua phải quở trách quan lại địa phương: Nhân nghĩ lệnh cấm về uống rượu, đánh bạc, nhiều lần có điều luật rõ ràng, không biết các người trông coi một địa hạt ngày thường có hiểu bảo cấm lệnh ấy cho dân biết rõ ràng hay không để đến nỗi sinh ra tệ đoan như thế. Thì chức vụ của người làm chủ và chăm dân ở đâu? (33). Không chỉ khiển trách quan lại, vua Tự Đức cũng quy định các hình thức xử phạt nặng hơn đối với người vi phạm. Theo lệ định năm 1875, tất cả quan hay dân thường ở trong Kinh thành cho đến các tỉnh, đạo, phủ, huyện, châu có hành vi mở sòng bạc mà bị bắt tại trận thì một nửa số tiền nộp vào kho nhà nước, một nửa thưởng cho người tố giác và bắt được; lập danh sách chủ sòng, người chơi bạc, số tiền của người chơi được, thua thì kê ra báo quan. Đồng thời yêu cầu chủ sòng bạc, người chơi bài kê khai số người chơi, số tiền thua, được để cùng sung công. Riêng tài sản của chủ sòng bạc thì bị tịch thu hết để sung công. Không chỉ vậy, chủ sòng bạc cùng người tham gia đánh bạc còn bị xử tội đánh trượng và đi tù, tùy địa bàn xảy ra sự việc mức độ xử phạt có khác nhau. Theo đó, nếu việc vi phạm xảy ra tại Kinh thành thì cả hai đối tượng này bị phạt 80 trượng, đi tù 2 năm, đuổi cả vợ con không cho ở Kinh thành nữa (không phân biệt quan dân). Nếu các chủ sòng bạc ở ngoài Kinh thành và các tỉnh đạo phủ huyện châu các xứ thì giảm mức phạt xuống 1 bậc, phạt 70 trượng, đi tù 1 năm rưỡi (34). Cũng theo lệ định năm 1875, nếu người chơi bạc là phụ nữ mà còn chồng (trước đây chưa có) thì phạt người chồng, đàn bà góa đánh bạc cho nộp tiền chuộc tội, không cho nộp chuộc bằng bạc. Đối với hoàng thân, quý tộc tham

gia mở sòng bạc thì phạt lương 10 năm (không cho khấu trừ), không dự lễ triều hội. Công tử đến tôn thất đánh bạc cũng xử tội đánh 80 trượng và phạt tù 2 năm. Triều Nguyễn còn mở rộng và quy định cụ thể hơn về đối tượng xử phạt gồm cả người làm cha, làm anh; các quan tổng lý, quan làm việc trong tỉnh, phủ, huyện nếu để con em, quân dân trong địa hạt quản lý có hành vi đánh bạc. Triều đình cũng quy định, cha anh không ngăn cấm con em, trưởng thượng không răn bảo được dân, cũng đều bị phạt 90 trượng (nếu cha anh có quan chức thì cho giáng, không có quan chức thì nộp tiền chuộc tội).

Để ngăn chặn tệ cờ bạc và làm gương cho các quan viên, triều Nguyễn đã không cho cất nhắc bổ dụng chức quan đối với các quan viên có năng lực làm việc nhưng lại có hành vi tham gia tệ cờ bạc. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: Lang trung bộ Lại Nguyễn Quốc Cầm, Lang trung bộ Hộ Vũ Đức Dụng, Lang trung bộ Hình Nguyễn Huy Chuẩn, Lang trung bộ Hộ Vũ Đức Dụng, Bùi Công Quỹ đã cùng nhau đứng ra đề cử quan bộ hình Phạm Chi Hương được giữ chức Tri huyện, tuy nhiên vua Minh Mệnh đã không đồng ý, thậm chí còn quở trách các vị quan này vì đã đề cử không đúng người có phẩm hạnh bởi trước đó Phạm Chi Hương từng tham gia bạc, bỏ bê việc, bị tâu hặc, phải cất chức” (35).

Đối với các quan quản lý, nhà nước cũng có hình thức xử lý nghiêm khắc đối với bộ phận quan lại quản lý khi để xảy ra tệ cờ bạc nơi mình trị nhậm. Theo quy định của triều Lê xử phạt quan quân không làm tốt nhiệm vụ trong việc chứa chấp người cờ bạc trong khu vực quản lý. Theo đó: nếu có trộm cướp hay bọn cờ bạc vô lại ở trong phường mình mà không cáo quan để trị tội thì xử tội *biếm* hay *đồ*. Các quan Đô tuần, Đốc suất và Cảnh tuần không bắt những kẻ

đáng bắt thì xử tội *biếm* hay *phạt* (36). Triều Nguyễn quy định cụ thể hơn các chức quan phải chịu trách nhiệm về việc vi phạm tệ đánh bạc thuộc phạm vi quản lý. *Thứ nhất*, là thuộc ty các phủ đệ (dưới vương công), phường trưởng, tổng lý, bang trưởng, thị trưởng gồm cả trong kinh, ngoài Kinh thành. Theo quy định, nếu các chức quan này biệt tố cáo, báo bắt những người có hành vi đánh bạc thì được miễn tội. Nếu họ dung túng không tố cáo, để người khác bắt được thì chiếu theo luật “thất sát” đều xử tội trượng cao nhất: nếu là quan thì giáng 4 cấp đổi đi nơi khác, viên dịch thì bãi dịch, binh thì sung ngũ khổ sai. Nếu ăn hối lộ mà dung túng thì xử tội nặng; *thứ hai*, là các người nhiếp thống quản suất Tôn Nhân phủ, văn các nha, võ các doanh, vệ, đội, thứ và các quan tỉnh, đạo, phủ, huyện, châu, Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo, không đủ sức răn bảo mà có người dân, học trò đánh bạc mà xét trích ra trước, cũng cho miễn tội. Nếu dung túng để người khác trích ra xin đều phạt 80 trượng, đổi làm giáng 2 cấp lưu (37). Đồng thời để góp phần ngăn chặn tệ cờ bạc xảy ra, triều đình yêu cầu các quan lại địa phương cần tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát tại nơi mình làm việc. Theo yêu cầu của vua Tự Đức thì các quan tỉnh, phủ, huyện, nơi nào cũng phải thường kiểm soát, phàm họp nhau uống rượu, đánh bạc nhất thiết cấm chỉ để ngăn ngừa.

3. Nhận xét

Đánh cờ, đánh bài (gọi chung là cờ bạc) vốn xuất phát là một thú vui trong đời sống tinh thần của người dân trong những dịp lễ tết, hội hè nhưng dần theo thời gian nó trở thành một trong những tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm. Nhất là từ thời Nguyễn, hình thức đánh bạc ngày càng đi vào có tổ chức khi xuất hiện nhiều sòng bạc có quy mô, trong các sòng bạc đó có chủ

sòng bạc, người đánh bạc cùng các đối tượng liên quan.

Tệ cờ bạc đã gây nên nhiều hệ lụy cho bản thân người chơi, cho gia đình, toàn xã hội. Người nông dân thì thờ ơ với nghề nghiệp, bỏ bê buôn bán, đồng ruộng cày cấy, tán gia bại sản; quan viên quý tộc thì sao nhãng trách nhiệm làm quan, không chăm lo việc nước việc dân...; nền phong hóa của xóm làng, chuẩn mực đạo đức Nho giáo của cả dân tộc bị ảnh hưởng khi chính cờ bạc là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn khác gồm trộm cướp, đánh chửi, xúc phạm, thậm chí giết người vì nợ nần cờ bạc.

Để ngăn chặn hành vi tham gia tệ cờ bạc, các nhà nước quân chủ Việt Nam từ thế kỷ XV đến XIX đã thực thi nhiều biện pháp khác nhau: ban hành các điều giáo huấn để giáo dục dân chúng, quan viên thấy được tác hại của tệ nạn này; tuyên truyền các quan viên làm tốt chức trách trong việc nhắc nhở người dân thuộc địa hạt quản lý không tham gia cờ bạc; khuyên răn người dân siêng năng với công việc của mình, tránh xa cờ bạc. Đồng thời ra sức nghiêm cấm và đề ra hình thức xử phạt nghiêm minh đối với người vi phạm thông qua các chỉ dụ, các điều luật, việc xử phạt áp dụng cho tất cả các đối tượng vi phạm mà không có sự phân biệt giàu nghèo, sang hèn, giới tính. Các nhà nước quân chủ Việt Nam đã thực hiện những biện pháp nhằm

ngăn ngừa tệ cờ bạc từ thời Lê sơ đến thời Nguyễn (từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX), có thể thấy luôn có sự kế thừa, tiếp nối về các phương thức thực hiện. Tuy nhiên so với các triều đại trước, đến triều Nguyễn việc ban hành, áp dụng các biện pháp xử phạt đối với người vi phạm tệ cờ bạc được quy định cụ thể, chi tiết hơn, mức độ xử phạt cũng nặng hơn, bao quát được mọi đối tượng liên quan. Nhất là trong các quy định xử phạt dành cho các đối tượng liên đới không dừng lại ở bản thân người đánh bạc, mà bao gồm cả cha mẹ, anh em, các quan cai quản theo các cấp quản lý khu vực người vi phạm cư trú.

Mục đích quan trọng nhất của việc thực thi các biện pháp phòng chống tệ đánh bạc của các triều đại quân chủ Việt Nam từ thế kỷ XV đến XIX là nhằm ngăn chặn, phòng chống loại hình tệ nạn này không lan rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, từ đó ổn định trật tự xã hội theo ý thức hệ Nho giáo. Trong giới hạn của nhà nước quan liêu, lấy học thuyết Nho gia làm cơ sở lý thuyết dẫn đường cho đạo trị nước, các biện pháp thực thi của nhà nước phong kiến trong gần bốn thế kỷ ít nhiều đã có tác dụng quan trọng vào việc giữ gìn an ninh, trật tự kỷ cương của toàn xã hội trong một thời gian nhất định, là cơ sở quan trọng để nhà nước thực thi các chính sách xây dựng, củng cố chính quyền, phát triển kinh tế và các nhiệm vụ chính trị.

CHÚ THÍCH

(1). *Đế quốc An Nam và người dân An Nam*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2020, tr.145.

(2). *Đại Việt sử ký tục biên 1769-1789*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.47.

(3). Nguyễn Thừa Hỷ (Cb), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, Nxb. Hà Nội, 2010, tr.285.

(4). Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr.105.

(5). *Đại Việt sử ký toàn thư, một bản khắc năm Chính Hòa 18 (1697)*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, 1993, tr.74.

(6). *Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2*, sdd, tr.141.

(7). William Dampier, *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*, Nxb. Thế giới, 2007, tr.34.

(8). Nguyễn Thừa Hỷ (Cb), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sdd, tr.145-146.

- (9). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.469.
- (10). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 8, Nxb. Khoa học xã hội, 2006, tr.207.
- (11). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb. Giáo dục, 2007, tr.452.
- (12). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 5, Nxb. Giáo dục, 2007, tr.433.
- (13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 8, sdd, tr.131-132.
- (14). Nguyễn Ngọc Nhuận (Cb), *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, 2011, tr.101.
- (15). Theo ghi chép của *Đại Nam thực lục* thì: năm Gia Long thứ 8 (1809), viên Lưu thủ Quảng Nam là Tôn Thất Huyền đã tự tiện thả tù ăn cướp, dung túng cho quân đánh bạc; dưới triều vua Minh Mệnh có viên đầu mục trại lính là Đỗ Bá Thố, phạm tội đánh bạc, ép người dưới quyền vay tiền rồi xiết nợ.
- (16). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, sdd, tập 6, tr. 315.
- (17). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, sdd, tr.348.
- (18). Nguyễn Thừa Hỷ (Cb), *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, sdd, tr.83.
- (19). *Đế quốc An Nam và người dân An Nam tổng quan về địa lý, sản vật, kỹ nghệ, phong tục và tập quán An Nam*, sdd, tr.144-145.
- (20). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.890.
- (21). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, sdd, tập 8, tr.208.
- (22). Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2007, tr.105.
- (23). *Đại Việt toàn thư*, tập 3, Nxb. Khoa học xã hội, 2004, tr.317.
- (24). *Đại Việt sử ký toàn thư, mộc bản khắc năm Chính Hòa 18 (1697)*, tập 3, sdd, tr.63.
- (25), (26). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 8, sdd, tr.208.
- (27). Nguyễn Sĩ Giác (dịch), *Lê triều chiếu lệnh thiện chính*, sdd, tr.175.
- (28). *Đại Việt sử ký tục biên 1679 -1789*, Nxb. Khoa học xã hội, 1991, tr.47.
- (29). Viện Sử học, *Cổ luật Việt Nam Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2009, tr.882.
- (30). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr.575.
- (31). *Quốc triều hình luật (luật hình triều Lê)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr.91.
- (32). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định hội điển sự lệ*, tập 4, sdd, tr.262.
- (33). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 8, sdd, tr.208.
- (34). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 8, sdd, tr.209.
- (35). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nxb. Giáo dục, 2004, tr.874.
- (36). *Quốc triều hình luật (luật hình triều Lê)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr.132.
- (37). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 8, sdd, tr.209.